TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 515/2024/HC-PT
Ngày: 11 - 6 - 2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 39/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 936/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Vũ Trung K- Sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số E đường B, khu phố C, phường Đ, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người bị kiện:*

1/Ủy ban nhân dân thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận;

2/Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài N, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P – T (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Mai T, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên- Môi trường thành phố P - T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/BàVũ Thị Hải Y (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D khu phố B, đường T, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

2/Bà Phạm Thị Thu H (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E đường B, khu phố C, phường Đ, thành phố P- T, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Vũ Thị Hải Y1 và bà Phạm Thị Thu H đều ủy quyền cho ông Vũ Trung K.

3/Ông Vũ Ngọc H1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố P- T, tỉnh Ninh Thuận.

4/Ủy ban nhân dân phường Đ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ (ông Đường Quốc T1) ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc K1, chuyên viên Địa chính- Xây dựng (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Vũ Trung K.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án liên quan đến hai thửa đất sau:

1. Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 13–(14) phường Đ hiện do ông Vũ Trung K và bà Phạm Thị Thu H quản lý. Vị trí thửa đất này phía Nam tiếp giáp thửa đất số 12 tờ bản đồ số 13-(14) phường Đ. Thửa đất số 12 tờ bản đồ số 13-(14) phường Đ diện tích 76m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Võ Thị T2. Bà T2 chuyển nhượng cho ông Trần Văn H2 và bà Đào Thị N1. Ông Trần Văn H2 và bà Đào Thị N1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố P- T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/12/2010. Ông Vũ Trung K và bà Phạm Thị Thu H nhận chuyển nhượng thửa đất từ vợ chồng ông Trần Văn H2 và bà Đào Thị N1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với giá 50.000.000 đồng vào ngày 01/7/2011 diện tích 76m^2. Sau đó, vợ chồng ông Vũ Trung K được Ủy ban nhân dân thành phố P- T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/8/2011 đối với thửa đất số 12 tờ bản đồ số 13-(14) diện tích 76m^2.

Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 về việc thu hồi đất do hộ bà Võ Thị T2 sử dụng tại phường Đ để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư Tháp Chàm đối với thửa đất số 13 tờ bản đồ số 13-(14)diện tích 94,54m^2. Ủy ban nhân dân tỉnh N đã ban hành Quyết định 188/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 về việc hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 27/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực

hiện dự án quy hoạch khu dân cư Tháp Chàm 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố P- T hủy các quyết định thu hồi đất đã ban hành đối với các hộ gia đình, cá nhân theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật đất đai.

Ngày 26/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 542/QĐ-UBND về việc thu hồi 82m^2 đất của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện Dự án Khu dân cư T thuộc thửa số 13 tờ bản đồ 13-(14).

Ngày 26/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 542 a/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi thu hồi đất với số tiền 25.142.000 đồng. Cụ thể:

- Đất: thửa số 13 tờ bản đồ số 13-(14) (đất do Ủy ban nhân dân phường Q2), hỗ trợ bằng mức bồi thường, hỗ trợ theo Văn bản số 952/UBND-TCDNC ngày 15/3/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, số tiền: 82m^2 x 1.0 x 280.000 đồng/m^2 = 22.960.000 đồng.

- Tháo dỡ rào lưới thép, thép gai, rào gỗ: 26md x 57.000 đồng = 1.482.000 đồng;

- Dừa đang thu hoạch: 1 cây 700.000 đồng.

Ngày 24/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phân lô (1/500) Khu dân cư T, phường Đ, thành phố P- T.

Ngày 02/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 860/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T. Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phân lô (1/500) Khu dân cư Tháp Chàm

1.Điều chỉnh:

- Từ: Thu hồi diện tích 82m^2 đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 13-(14) loại đất BCS của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý).

- Thành: Thu hồi diện tích 64m^2 đất thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ số 13-(14) loại đất BCS của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý).

Ngày 02/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất để để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T.Theo đó số tiền bồi thường hỗ trợ còn 21.368.240 đồng, bao gồm:

- Đất: thửa số 13 tờ bản đồ số 13-(14) (đất do Ủy ban nhân dân phường Q2), hỗ trợ bằng mức bồi thường, hỗ trợ theo Văn bản số 952/UBND-TCDNC

ngày 15/3/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, số tiền: 64m^2 x 1.0 x 280.000 đồng/m^2 = 17.920.000 đồng.

- Tháo dỡ rào lưới thép, thép gai, rào gỗ: 23md x 57.000 đồng = 1.311.000 đồng.

- Tháo dỡ chuồng nuôi gia súc, gia cầm, sàn gỗ, mái tôn: 20,7m^2 x 0,8 x 87.000 đồng = 1.437.000 đồng.

- Dừa đang thu hoạch: 1 cây 700.000 đồng.

Ngày 29/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 4424/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng thửa đất số 13 tờ bản đồ địa chính số 13-(14) phường Đ, do hộ ông Vũ Trung K không chấp hành bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án Khu dân cư T.

2. Thửa đất số 19 tờ bản đồ số 13 –(14) phường Đ do bà Đoàn Thị L quản lý, bà Đoàn Thị L đã chết năm 2020, hiện thửa đất do ông Vũ Trung K quản lý. Bà L và chồng là ông Vũ Ngọc H1 (đã ly hôn) còn có một người con nữa là bà Vũ Thị Hải Y1. Vị trí thửa đất số 19 tiếp giáp với thửa đất số 18 tờ bản đồ số 13–(14) phường Đ ở phía Nam.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 3761/CT ngày 26/11/1996 về việc bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước căn nhà số D Khu tập thể X, phường Đ, thị xã P- T. Nội dung:*Bán căn nhà D3 thuộc sở hữu Nhà nước tọa lạc tại Khu tập thể Xí nghiệp toa xe hàng S cho bà Đoàn Thị L, số tiền bán nhà được định giá 8.270.027 đồng (có sơ đồ mặt bằng nhà đất tỷ lệ 1/200 kèm theo)*. Theo sơ đồ mặt bằng kèm theo Quyết định này, diện tích xây dựng: 36,4m^2, diện tích sử dụng: 33,66m^2, diện tích khuôn viên đất 75,95m^2. Ngày 16/12/1996, công ty kinh doanh nhà và QLĐT tỉnh N có biên bản thanh lý hợp đồng thuê nhà D3 Xí nghiệp vận dụng toa xe hàng Đ- T với bà Đoàn Thị L. Ngày 17/5/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401090281, hồ sơ gốc số 2249, cho bà Đoàn Thị L. Thực trạng nhà ở đất ở: nhà ở địa chỉ E B, phường Đ, thị xã P- T, tổng diện tích sử dụng: 33,66m^2, diện tích xây dựng: 36,59m^2, kết cấu nhà tường gạch, mái tole, nhà 1 tầng, trên thửa đất số 18 tờ bản đồ số 13-(14) diện tích 76,35m^2.

Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 về việc thu hồi đất do hộ bà Đoàn Thị L sử dụng tại phường Đ để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T, thu hồi 80,6m^2 đất ở tại đô thị do hộ bà Đoàn Thị L sử dụng thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ 13-(14) để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư Tháp Chàm 1.Ủy ban nhân dân tỉnh N đã ban hành quyết định 188/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 về việc hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 27/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư Tháp Chàm 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố P- T hủy các quyết định thu hồi đất đã ban hành đối với các hộ gia đình, cá nhân theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật đất đai. Ngày 14/9/2012, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số

2717/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 19/9/2007.

Ngày 26/4/2019,Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 537/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T, thu hồi 78m^2 đất thuộc thửa 19 tờ bản đồ 13-(14) phường Đ và Quyết định 537 a/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi thu hồi đất với số tiền 52.844.004 đồng. Cụ thể:

- Đất: thửa số 19 tờ bản đồ số 13-(14) (đất do Ủy ban nhân dân phường Q2) , hỗ trợ bằng mức bồi thường, hỗ trợ theo Văn bản số 952/UBND-TCDNC ngày 15/3/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, số tiền: 78m^2 x 1.0 x 280.000 đồng/m^2 = 21.840.000 đồng.

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 29.570.004 đồng.

- Hoa màu, cây ăn trái: 1.434.000 đồng.

Ngày 02/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 863/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019, cụ thể:

- Từ: Thu hồi diện tích 78m^2 đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13-(14) loại đất BCS của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý).

- Thành: Thu hồi diện tích 60m^2 đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 13-(14) loại đất BCS của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý).

Ngày 02/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 865/QĐ-UBNDvề việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư T. Cụ thể: Số tiền bồi thường hỗ trợ là 23.295.204 đồng, bao gồm:

- Đất: thửa số 19 tờ bản đồ số 13-(14) (đất do Ủy ban nhân dân phường Q2) , hỗ trợ bằng mức bồi thường, hỗ trợ theo Văn bản số 952/UBND-TCDNC ngày 15/3/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, số tiền: 60m^2 x 1.0 x 280.000 đồng/m^2 = 16.800.000 đồng.

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5.061.204 đồng.

- Hoa màu, cây ăn trái: 1.434.000 đồng.

Ngày 29/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 4426/QĐ-UBNDvề việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đoàn Thị L.

Người khởi kiện đồng thời là Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Hải Y1 và bà Phạm Thị Thu H- Ông Vũ Trung K- trình bày:

Cha mẹ ông sau giải phóng là công nhân Xí nghiệp toa xe Tháp Chàm và được xí nghiệp phân đất và cấp nhà để ở. Sau năm 1995, nhà đất được Xí nghiệp

giao cho Công ty kinh doanh nhà và quản lý đô thị tỉnh N quản lý. Công ty có ký hợp đồng thuê nhà với cha mẹ ông (nhà D3). Công ty có giao cho mẹ ông "họa đồ nhà đất" ghi rõ diện tích đất của gia đình là 147,31m^2 đất thổ cư, trên đất có nhà ở. Cha mẹ ông đã mua hóa giá nhà đất theo Quyết định số 3761 ngày 26/11/1996 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Mẹ ông được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/5/2002 đối với diện tích 76,35m^2 đất ở và 36,5m^2 nhà ở gắn liền với đất. Còn một phần đất khoảng hơn 80m^2 thì không được cấp Giấy chứng nhận, ông có hỏi thì được trả lời là khi nào thu hồi sẽ bồi thường hết, để khỏi làm lại sổ đỏ. Ông không có chứng cứ chứng minh điều này.

Trường hợp thửa đất số 13 tờ bản đồ 13-(14) của ông và bà Phạm Thị Thu H là một căn trong nhà tập thể cũng tương tự như vậy. Ông nhận chuyển nhượng thửa 12 bao gồm cả thửa 13, thửa 13 nằm trong khuôn viên ông quản lý, ông rào bao bọc khuôn viên bao gồm cả thửa 12 và thửa 13.

Như vậy phần đất bị thu hồi của mẹ ông và đất của hộ ông từ chỗ là đất ở theo quyết định thu hồi năm 2007, thành đất bằng chưa sử dụng theo các quyết định thu hồi năm 2019 và 2021. Ông đã nhiều lần khiếu nại, những người quản lý của của Xí nghiệp T4 đã có xác nhận cho ông nhưng không được xem xét.

Ông Vũ Trung K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc thu hồi đất của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T.

- Hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T đối với hộ Vũ Trung K về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 537a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 863/QĐ-UBNDngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019.

- Hủy Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T đối với hộ bà Đoàn Thị L về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện trình bày tại Bản trình bày ý kiến ngày 13/9/2022, Bản trình bày ý kiến ngày 07/7/2023, Bản trình bày ý kiến ngày 04/3/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện – Ông Mai T- trình bày như sau:

Căn cứ pháp lý ban hành các quyết định:

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ.

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T5 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T5 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 về ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Nguồn gốc đất: Thửa đất thuộc đất bằng chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý, các hộ dân lấn chiếm sử dụng từ sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004.

Ngày 31/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Thông báo số 635/TB-UBND về việc thu hồi đất của ông Vũ Trung K.

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh N về danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh N phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thành phố P- T; kết quả cập nhật các dự án thu hồi đất vào Kế hoach sử dụng đất năm 2019 của thành phố P- T. Ngày 26/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 542/QĐ-UBND về việc thu hồi 82m^2 đất của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện Dự án Khu dân cư T thuộc thửa số 13 tờ bản đồ 13-(14).

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư T.

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 24 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Q2) khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 26/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 542 a/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi thu hồi đất.

Ngày 24/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phân lô (1/500) Khu dân cư T, phường Đ, thành phố P- T.

Trên cơ sở đó,Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/6/2021về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T, từ thu hồi 82m^2 thành thu hồi 64m^2 thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ địa chính số 13–(14) phường Đ. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hànhQuyết định số 868/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T.

Căn cứ Văn bản số 952/UBND-TCDNC ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc chấp thuận hỗ trợ cho 25 hộ dân thuộc dự án Khu dân cư T, cụ thể tại Điều 1 như sau: *"Đồng ý chủ trương hỗ trợ về đất cho 25 hộ dân bằng mức bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp thuộc dự án Khu dân cư T theo quy định tại Khoản 8 Điều 35 Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh".*

Căn cứ mục A bảng số 6 bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 106/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh N quy định *"giá đất nông nghiệp trong đô thị tại địa bàn thành phố P- T có đơn giá là 70.000 đồng/m^2"*và căn cứ khoản 15 Điều 1 Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 quy định: *"a) Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở, đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp theo loại đất và vị trí của thửa đất thu hồi còn được hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất và cùng vị trí quy định trong Bảng giá đất của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ không được vượt quá giá đất ở của thửa đất đó."*

Tại Quyết định số 868/QĐ-UBND về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất để để bồi thường, giải

phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T, số tiền bồi thường hỗ trợ còn 21.368.240 đồng, bao gồm:

- Đất: thửa số 13 tờ bản đồ số 13-(14) (đất do Ủy ban nhân dân phường Q2), hỗ trợ bằng mức bồi thường, hỗ trợ theo Văn bản số 952/UBND-TCDNC ngày 15/3/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, số tiền: 64m^2 x 1.0 x 280.000 đồng/m^2(70.000 đồng/m^2 x 4 lần)= 17.920.000 đồng.

- Tháo dỡ rào lưới thép, thép gai, rào gỗ: 23md x 57.000 đồng = 1.311.000 đồng.

- Tháo dỡ chuồng nuôi gia súc, gia cầm, sàn gỗ, mái tôn: 20,7m^2 x 0,8 x 87.000 đồng = 1.437.000 đồng.

- Dừa đang thu hoạch: 1 cây 700.000 đồng.

Các căn cứ tương tự cho việc ngày 02/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 863/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019, cụ thể:

- Từ: Thu hồi diện tích 78m^2 đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13-(14) loại đất BCS của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý).

- Thành: Thu hồi diện tích 60m^2 đất thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 13-(14) loại đất BCS của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý).

Ngày 02/6/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 865/QĐ-UBND về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư T. Cụ thể: Số tiền bồi thường hỗ trợ là 23.295.204 đồng, bao gồm:

- Đất: thửa số 19 tờ bản đồ số 13-(14) (đất do Ủy ban nhân dân phường Q2) , hỗ trợ bằng mức bồi thường, hỗ trợ theo Văn bản số 952/UBND-TCDNC ngày 15/3/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, số tiền: 60m^2 x 1.0 x 280.000 đồng/m^2 = 16.800.000 đồng.

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5.061.204 đồng.

- Hoa màu, cây ăn trái: 1.434.000 đồng.

Ủy ban nhân dân thành phố P- T khẳng định đã ban hành đúng quy định của pháp luật đối với các quyết định:

- Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc thu hồi đất của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất.

- Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T.

- Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T.

- Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Quyết định số 537a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất.

- Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019.

- Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư T.

Đối với các quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T: Quyết định số 4424/QĐ-UBND Ngày 27/11/2021 đối với hộ Vũ Trung K2 Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 đối với hộ bà Đoàn Thị L:

Do nhiều lần vận động nhưng ông Vũ Trung K không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, ngày 16/11/2021,Ủy ban nhân dân phường Đ có Báo cáo số 1121/BC-UBND về việc vận động hộ ông Vũ Trung K nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án Khu dân cư T. Ngày 17/11/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P- T ban hành Văn bản số 1219/TTPTQĐ đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, trong đó có hộ ông Vũ Trung K. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- Tháp Chàmban hành Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ Vũ Trung K. Ông K nhận quyết định này vào ngày 03/12/2021. Ngày 18/12/2021, Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên bản kết thúc niêm yết công khai Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021, thời gian niêm yết công khai là từ ngày 03/12 đến 18/12/2021. Ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Kế hoạch số 411/KH-UBND về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Vũ Trung K và cung ngày ban hành Thông báo số số 2237/TB-UBND về thời gian tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Ủy ban nhân dân phường Đ đã tiến hành triển khai Thông báo trên, ông K đã nhận thông báo. Ngày 30/12/2021, đại diện các cơ quan gồm: Đ, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân phường Đ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đ tiếp tục vận động ông Vũ Trung K bàn giao mặt bằng, nhưng ông K không đồng ý.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng như sau: *"Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã, Ủy ban M cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực*

hiện.

Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này."

Do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- Tháp Chàmban hành Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 đối với hộ Vũ Trung K,Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 đối với hộ bà Đoàn Thị L; và tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Vũ Trung K với thửa đất số 13 tờ bản đồ số 13–(14) phướng Đô V là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ủy ban nhân dân phường Đ đã ban hành văn bản số 205/BS-UBND ngày 16/8/2022 trình bày ý kiến, tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc K1, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của ông Vũ Trung K như sau:

Cơ sở pháp lý:

Căn cứ hồ sơ địa chính do Ủy ban quản lý qua các thời kỳ như sổ mục kê, sổ dã ngoại, bản đồ 299/TTg, bản đồ địa chính các năm 1993, 1998, năm 2017 thể hiện như sau:

Bản đồ 1993: tương ứng một phần thửa đất số 1153 tờ bản đồ PL 299/TTg, diện tích 138.792m^2, loại đất T, sổ dã ngoại năm 1993 thể hiện là đất xây dựng.

Bản đồ năm 1998: tương ứng một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 13–(14), diện tích 44.785,4m^{2}loại đất XD (khu đất hoang thuộc Xí nghiệp Đ1 theo bản đồ địa chính năm 1998), sổ mục kê năm 1998 quy chủ xí nghiệp vận dụng toa xe.

Bản đồ năm 2017: tương ứng thửa đất số 06, tờ bản đồ 61 diện tích 64,3m^2, loại đất ODT, sổ mục kê thể hiện tên Đoàn Thị L; thửa đất số 12 tờ bản đồ số 61 diện tích 75,5m^2, loại đất ODT theo sổ mục kê năm 2017 thể hiện tên Vũ Trung K.

Qua đối chiếu hồ sơ địa chính và các thành viên Hội đồng tư vấn đất đai, Ủy ban nhân dân phường Đ khẳng định:

Tại Văn bản số 105/UBND ngày 12/12/2009, văn bản số 67/UBND ngày 20/4/2020 của UBND thể hiện: nguồn gốc đất là đất bằng chưa sử dụng do Nhà nước quản lý, các hộ dân chiếm dụng trước ngày 01/7/2004, thời điểm xây dựng nhà và công trình trên đất được xây dựng trước ngày 31/12/2002.Theo bản đồ PL 299/TTg, tương ứng một phần thửa đất số 1153 tờ bản đồ PL 299/TTg, diện tích 138.792m^2, loại đất T, sổ dã ngoại năm 1993 thể hiện là đất xây dựng không quy chủ cho tổ chức, cá nhân nào. Từ năm 1998 cho đến năm 2013 (bản đồ năm 1998) tương ứng một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 13–(14), diện tích 44.785,4m^2, loại đất XD (khu đất hoang thuộc Xí nghiệp Đ1 theo bản đồ địa

chính năm 1998), sổ mục kê năm 1998 quy chủ xí nghiệp vận dụng toa xe, không quy chủ cho bà Đoàn Thị L và ông Vũ Trung K.

Những người làm chứng gồm Ông Võ Thành T3, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X, bà Phạm Thị K3, bà Huỳnh Thị N2, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Q1 cùng cư ngụ tại khu phố C phường Đ. Trong đó ông T3, ông Q và ông V là con của công nhân nhà máy T6, bà K3 và bà N2 có chồng là công nhân nhà máy T6, bà X, bà B và bà Q1 là công nhân nhà máy T6. Lời khai các ông bà thống nhất: *Ban giám đốc nhà máy T6 đã xây nhà ở cho công nhân từ khoảng năm 1980 đến năm 1984 thì xây xong. Năm 1985 các hộ dân chuyển về sống tại dãy nhà D. Dãy nhà tập thể D mỗi căn bề ngang khoảng 3,4m. Giám đốc nhà máy C các hộ công nhân tự khai hoang phía sau các căn nhà của mình, do đó các hộ đã khai hoang, nuôi heo, trồng rau, một số hộ cơi nới xây thêm chừng 20 đến 25 m dài phía sau, có làm rào bao bọc lại, kế đến phía sau là sân bóng; kết thúc khai hoang năm 1990. Phần đất khai hoang này không có giấy tờ gì. Ủy ban nhân dân phường Đ có văn bản báo cáo dân lấn chiếm sau năm 1998, và sau 2003 tiếp tục lấn chiếm 20m là sai sự thật. Các hộ khẳng định không lấn chiếm đất của ai.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2023/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Trung K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc thu hồi đất của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T.

- Hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T đối với hộ Vũ Trung K về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 537a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà

nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019.

- Hủy Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T đối với hộ bà Đoàn Thị L về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 18/8/2023 người khởi kiện ông Vũ Trung K kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Ngày 30/8/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có Quyết định số 02/QĐ-VKS-HC kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Vũ Trung K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Phần đất gia đình ông đã quản lý sử dụng từ năm 1985. Họa đồ nhà đất vẽ năm 1994 là căn cứ chứng minh đất ở theo quy định tại Điều 72 Luật đất đai năm 1993. Năm 2007 khi làm việc thì giám đốc xí nghiệp đã khẳng định đất gia đình ông đang quản lý sử dụng là đất đã sử dụng. Theo nội dung quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã nêu cùng 01 phần đất nhưng Uỷ ban nhân dân xác định một phần là đất ở, một phần là đất bằng chưa sử dụng là không chính xác. Gia đình ông ở khu D khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 thể hiện phần đất phía sau là đất trống, nhưng không có văn bản xác nhận. Việc cho rằng Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý đất từ năm 2012, 2013 là không đúng vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2013 không ghi là đất do Uỷ ban nhân dân phường quản lý. Năm 2007 vẫn thể hiện đất ở đô thị, nhưng để làm giảm giá trị bồi thường cho chủ đầu tư nên thay đổi loại đất như nội dung thể hiện trong Kết luận thanh tra của Chính phủ năm 2021 là giá bồi thường sau không bằng giá bồi thường trước. Gia đình ông không lấn chiếm đất, phần đất này là do xí nghiệp giao cho gia đình ông, và cũng không phải là đất hoang.

Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Theo hồ sơ quản lý Nhà nước về đất đai thì người khởi kiện quản lý, sử dụng đất trên cơ sở được xí nghiệp hóa giá nhà, phần hóa giá đã được công nhận quyền sử dụng đất. Phần phía sau nhà trước do xí nghiệp quản lý, sau này quy chủ cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quá trình quản lý sử dụng người khởi kiện không làm nghĩa vụ gì với Nhà nước đối với phần đất trên, không đăng ký kê khai. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận cho rằng quá trình quản lý sử dụng đất từ trước 15/10/1993 là không đúng, nên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ quyết định quyết định kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Đối với kháng cáo của người khởi kiện thì không có cơ sở để chấp nhận, Ủy ban nhân dân thành phố P – T đã có hỗ trợ cho người khởi kiện là có xem xét quá trình sử dụng đất của người dân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ Điều 229 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

[3] Căn cứ hồ sơ địa chính do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý qua các thời kỳ như sổ mục kê, sổ dã ngoại, bản đồ 299/TTg, bản đồ địa chính các thời kỳ thể hiện như sau: Các thửa đất 13 và 19 tờ bản đồ số 13-(14) phường Đ tương ứng một phần thửa đất số 1153 tờ bản đồ PL 299/TTg, diện tích 138.792m^2, loại đất T, sổ dã ngoại năm 1993 thể hiện là đất xây dựng; tương ứng một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 13-(14), diện tích 44.785,4m^2 , loại đất XD (khu đất hoang thuộc Xí nghiệp Đ1 theo bản đồ địa chính năm 1998), sổ mục kê năm 1998 quy chủ xí nghiệp vận dụng toa xe. Theo Bản đồ năm 2017 thì tương ứng thửa đất số 06, tờ bản đồ 61 diện tích 64,3m^2, loại đất ODT, sổ mục kê thể hiện tên Đoàn Thị L; Thửa đất số 12 tờ bản đồ số 61 diện tích 75,5m^2, loại đất ODT theo sổ mục kê năm 2017 thể hiện tên Vũ Trung K.

Vậy, nguồn gốc các thửa đất số 13 và 19 tờ bản đồ số 13-(14) phường Đ là đất theo sổ dã ngoại năm 1993 thể hiện là đất xây dựng không quy chủ cho tổ

chức, cá nhân nào, Xí nghiệp T7 quản lý từ năm 1998 đến năm 2013, từ năm 2013 đến nay là đất bằng chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý. Các thửa đất này do bà Võ Thị T2 (người quản lý thửa đất số 12 trước khi chuyển nhượng cho ông H2 vào năm 2010, sau đó ông H2 chuyển nhượng cho vợ chồng ông K) và bà Đoàn Thị L chiếm trước ngày 01/7/2004 và ông K, bà L sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị T.

Thửa 13 giáp với thửa 12 tờ bản đồ số 13-(14) không có rào ngăn cách, nằm chung khuôn viên do ông Vũ Trung K quản lý, và thửa 19 giáp với thửa 18 tờ bản đồ số 13-(14) không có rào ngăn cách, nằm chung khuôn viên do bà Đoàn Thị L quản lý.

[4] Năm 2007, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành các quyết định thu hồi đất bao gồm: Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 về việc thu hồi đất do hộ bà Võ Thị T2 sử dụng tại phường Đ để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư Tháp Chàm đối với thửa đất số 12 tờ bản đồ số 13-(14) diện tích 94,54m^2 và Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 về việc thu hồi 80,6m^2 đất ở tại đô thị do hộ bà Đoàn Thị L sử dụng tại phường Đ sử dụng thuộc thửa đất số 18 tờ bản đồ 13-(14) để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư T. Tuy nhiên các quyết định này đã bị hủy bỏ tại Quyết định 188/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc hủy Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 27/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư Tháp Chàm 1. Ngày 14/9/2012, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 2717/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 19/9/2007.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định thu hồi đất:

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: *"d. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng";* Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh N về danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, trong đó có Dự án Khu dân cư T trong nhóm Khu đô thị mới, khu dân cư chỉnh trang, cụm công nghiệp, khu sản xuất.

Theo Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ trên đây: *"1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này"; "2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt"; "3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án"*, Ủy ban nhân dân tỉnh N đã ban hành Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 phê duyệt kế hoạch sử dụng đất

năm 2018 của thành phố P- T; Kết quả cập nhật các dự án thu hồi đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố P- T.

Tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất như sau: *"Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam".*

Ngày 31/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Thông báo số 635/TB-UBND về việc thu hồi đất của ông Vũ Trung K và Thông báo số 618/TB-UBND về việc thu hồi đất của bà Đoàn Thị L. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P- T lập Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường số 03/BBKK-TTPTQĐ đối với thửa đất số 19 và Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường số 19/BBKK-TTPTQĐ cùng ngày 06/8/2015 đối với thửa đất số 13.

Ngày 26/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành Quyết định số 542/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) thuộc thửa số 13 tờ bản đồ 13-(14) và Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) thuộc thửa số 19 tờ bản đồ 13-(14) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

Ngày 24/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phân lô (1/500) Khu dân cư T, phường Đ, thành phố P- T.

Thực hiện Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phân lô (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư T, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P- T lập Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trường vào ngày 05/5/2021 đối với thửa số 19 và thửa số 13.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/6/2021về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T, từ thu hồi 82m^2 thành thu hồi 64m^2 thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ địa chính số 13-(14) phường Đ; và Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 đối với thửa số 19 từ thu hồi 78m^2 thành thu hồi 60m^2.

Căn cứ vào các quy định trên thì Ủy ban nhân dân thành phố P – Tháp ban hành các quyết định thu hồi đất, các quyết định điều chỉnh giảm diện tích thu hồi căn cứ vào Quyết định số 1673/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phân lô (1/500) Khu dân cư T, phường Đ, thành phố P- T là đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của ông Vũ Trung K về hủy các quyết định thu hồi và các quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định bồi thường, hỗ trợ:

Các thửa đất số 13 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 13-(14) phường Đ có nguồn gốc là đất của Xí nghiệp T7 quản lý từ năm 1998 đến năm 2013, từ năm 2013 đến nay là đất bằng chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý, bà Võ Thị T2 (chủ cũ đất của ông Vũ Trung K) và bà Đoàn Thị L lấn chiếm từ trước ngày 01/7/2004. Việc bà Đoàn Thị L lấn chiếm đất đã được thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401090281, hồ sơ gốc số 2249 do Ủy ban nhân dân tỉnh N cấp cho bà Đoàn Thị L vào ngày 17/5/2002 đối với thửa 18 tờ bản đồ số 13-(14) phường Đ. Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có ghi phía Bắc giáp đất công cộng của nhà máy T6, diện tích lấn là 7,25m^2, theo trích lục kèm theo ghi rõ phần diện tích này không được công nhận, gia chủ không được xây dựng cơi nới thêm dưới bất kỳ hình thức nào. Hiện phần đất lấn chiếm này là một phần thửa số 19 tờ bản đồ số 13–(14) phường Đ bị Nhà nước thu hồi.

Ông Vũ Trung K không có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 đối với các thửa đất số 13 và 19 tờ bản đồ số 13–(14) phường Đ. Mặt khác, ông cho rằng các thửa đất này do Ban giám đốc nhà máy toa xe khuyến khích công nhân khai hoang xây dựng, nhưng không cung cấp được Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng, theo Điều 18 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính P về các giấy tờ khác về quyền sử dụng đất. Mặt khác các hộ bà T2, ông K và bà L lấn chiếm đất, vi phạm Điều 12 Luật đất đai nên thuộc trường hợp có vi phạm pháp luật đất đai.

Tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về căn cứ để xác định *"sử dụng ổn định"* là: *"i) Bản đồ, sổ mục kê, tài liệu điều tra, đo đạc về đất đai qua các thời kỳ;".* Theo sổ mục kê ghi tên ông K và bà L đối với các thửa đất này từ năm 2017. Do đó, có căn cứ xác định từ năm 2017 hộ ông K, bà L mới được xem là sử dụng ổn định trên các thửa đất số 13 và thửa số 19. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được UBND cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất",* thì việc sử dụng đất của ông K và bà L không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, do đó không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai.

Ngoài ra, tại Văn bản số 952/UBND-TCDNC ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc chấp thuận hỗ trợ cho 25 hộ dân thuộc dự án Khu dân

cư T, cụ thể tại Điều 1 như sau: *"Đồng ý chủ trương hỗ trợ về đất cho 25 hộ dân bằng mức bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp thuộc dự án Khu dân cư T theo quy định tại Khoản 8 Điều 35 Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh".*

Căn cứ mục A bảng số 6 bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 106/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh N quy định "giá đất nông nghiệp trong đô thị tại địa bàn thành phố P- T có đơn giá là 70.000 đồng/m^2", và căn cứ khoản 15 Điều 1 Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 quy định: *"a) Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở, đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp theo loại đất và vị trí của thửa đất thu hồi còn được hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất và cùng vị trí quy định trong Bảng giá đất của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ không được vượt quá giá đất ở của thửa đất đó."*

Do đó các Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 537a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất bồi thường với giá đất 280.000 đồng/m^2 (70.000 đồng/m^2 x 4 lần) là phù hợp quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố P-T ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phân lô (1/500) Khu dân cư T, phường Đ, thành phố P- T. Từ đó, Ủy ban nhân dân thành phố P- T đã ban hành các quyết định điều chỉnh giảm diện tích thu hồi đất đối với ông K và bà L, nên các Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi và Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L đều giảm số tiền bồi thường là có căn cứ.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định cưỡng chế thu hồi đất:

Trung tâm phát triển quỹ đất đã nhiều lần ban hành Thông báo về việc chi trả tiền bồi thường cho các hộ bà L và ông K. Ngày 16/11/2021, Ủy ban nhân dân phường Đ có Báo cáo số 1121/BC-UBND về việc vận động hộ ông Vũ Trung K nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án Khu dân cư T. Ngày 17/11/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P- T ban hành Văn bản số 1219/TTPTQĐ đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, trong đó có hộ ông Vũ Trung K. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 đối với hộ Vũ Trung K và Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 đối với hộ bà Đoàn Thị L về việc cưỡng chế thu hồi đất. Ông K nhận quyết định này vào ngày 03/12/2021. Ngày 18/12/2021, Ủy ban nhân dân phường Đ lập biên

bản kết thúc niêm yết công khai Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021, thời gian niêm yết công khai là từ ngày 03/12 đến 18/12/2021. Ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Kế hoạch số 411/KH-UBND về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Vũ Trung K và cùng ngày ban hành Thông báo số số 2237/TB-UBND về thời gian tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. Ủy ban nhân dân phường Đ đã tiến hành triển khai Thông báo trên, ông K đã nhận thông báo. Ngày 24/12/2021, Ủy ban nhân dân phường Đ vận động ông Vũ Trung K bàn giao đất. Ngày 28/12/2021, B1 thực hiện cưỡng chế thu hồi đất và Ủy ban nhân dân phường Đ vận động ông Vũ Trung K bàn giao đất. Ngày 30/12/2021, đại diện các cơ quan gồm: Đ, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân phường Đ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đ tiếp tục vận động ông Vũ Trung K đồngý bàn giao mặt bằng, nhưng ông K vẫn tiếp tục không đồng ý. Vào ngày 31/12/2021, việc cưỡng chế thu hồi đất thửa số 13 đã thực hiện. Đối với thửa 19 ông Vũ Ngọc H1 đồng ý bàn giao mặt bằng nên không thực hiện việc cưỡng chế.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T ban hành Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 đối với hộ Vũ Trung K, Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 đối với hộ bà Đoàn Thị L; và tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Vũ Trung K với thửa đất số 13 tờ bản đồ số 13-(14) phường Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I/Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

II/Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Trung K;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2023/HC-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Trung K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc thu hồi đất của hộ ông Vũ Trung K đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T.

- Hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Vũ Trung K khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án quy hoạch Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 4424/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T đối với hộ Vũ Trung K về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc thu hồi đất của hộ bà Đoàn Thị L đang sử dụng (đất do Ủy ban nhân dân phường Đ quản lý) để thực hiện dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 537a/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 26/4/2019.

- Hủy Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P- T về việc điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đoàn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư T.

- Hủy Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T đối với hộ bà Đoàn Thị L về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III/Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Trung K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000717 ngày 28/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- NKK (1);
- NBK (2);
-NLQ (4);
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu